TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
v/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Huyền;

2. Ông Nguyễn Chí Sang.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** bà Lê Hoàng Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Ngô Thị Kim L, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; hiện cư trú tại: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: anh Võ Minh Q, sinh năm 1977; cư trú tại: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Võ Minh Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì chị phát hiện anh Q không lo làm ăn, thường xuyên vay nợ ở ngoài để cờ bạc, chị có khuyên nhủ anh Q lo tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình, chị sẽ lo trả khoản nợ vay cờ bạc của anh Q nhưng anh Q không nghe mà tiếp tục cờ bạc; ngoài ra, anh Q còn đánh đập, sử dụng dao đe dọa đuổi đánh chị

nhiều lần. Mâu thuẫn giữa vợ chồng gia đình chồng có biết, có khuyên ngăn và chính quyền địa phương nơi cư trú có hòa giải nhưng anh Q không thừa nhận lỗi lầm của mình. Do lo sợ bị anh Q chém giết nên chị đã chuyển về sống cùng cha mẹ ruột từ ngày 21-5-2023 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Q có điện thoại cho chị và trực tiếp đến nhà cha mẹ chị một lần nhưng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, mà luôn gây sự chửi mắng và đe dọa chị. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau, nên yêu cầu được ly hôn với anh Võ Minh Q.

Về con chung: chị và anh Q có 02 con chung tên Võ Quang T, sinh ngày 03-11-1999 và Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 10-6-2001. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng có tạo lập một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09 tháng 8 năm 2023 bị đơn anh Võ Minh Q trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Ngô Thị Kim L về thời gian chung sống năm 1998 là đúng, tuy nhiên anh nhớ sau khi tổ chức đám cưới anh và chị L có đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để đăng ký kết hôn, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ hay giấy tờ nào chứng minh việc anh và chị L có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5-2023 thì xảy ra mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ, kinh tế sa sút nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh cho đến nay. Việc chị L trình bày anh thường xuyên vay tiền cờ bạc và đánh đập, đe dọa chém giết chị L là không đúng. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có đến nhà cha mẹ chị L để hòa giải với chị L nhưng không thành, nay chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý, khi nào các con chung của anh đồng ý thì anh mới đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị L về họ tên, ngày tháng năm sinh hai con chung là đúng, do các con đều đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Ngô Thị Kim L và anh Võ Minh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: không công nhận chị Ngô Thị Kim L và anh Võ Minh Q là vợ chồng.

Về nuôi con chung: chị L và anh Q có 02 con chung tên Võ Quang T, sinh ngày 03-11-1999 và Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 10-6-2001 đều đã thành niên, nên chị L và anh Q không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Ngô Thị Kim L và anh Võ Minh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị Ngô Thị Kim L và anh Võ Minh Q chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị L, anh Q không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh Q cho rằng vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn, nhưng anh không cung cấp được giấy tờ hay chứng cứ nào chứng minh lời trình bày của anh là có căn cứ. Quá trình chung sống giữa chị L, anh Q xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên và chính quyền địa phương có hòa giải nhưng không thành, nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Q, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q.

[2.2] Về nuôi con chung: chị L và anh Q có 02 con chung tên Võ Quang T, sinh ngày 03-11-1999 và Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 10-6-2001 đều đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được, chị L và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[3] Về án phí: chị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp "Ly hôn" của chị Ngô Thị Kim L đối với anh Võ Minh Q.

Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Kim L và anh Võ Minh Q.

2. Về nuôi con chung: chị L và anh Q có hai con chung tên Võ Quang T, sinh ngày 03-11-1999 và Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 10-6-2001 đều đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị L và anh Q không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Ngô Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004502 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị L, anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thúy